

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 109 /2010/TT-BTC

Hà Nội, ngày 27 tháng 7 năm 2010

THÔNG TƯ

Về việc sửa đổi, bổ sung một số quy định về mẫu thẻ thanh tra và việc quản lý, sử dụng thẻ thanh tra thuộc Bộ Tài chính ban hành kèm theo Quyết định số 41/2008/QĐ-BTC ngày 24/6/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

Căn cứ Luật Thanh tra ngày 15/6/2004;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 100/2007/NĐ-CP ngày 13/6/2007 của Chính phủ về Thanh tra viên và cộng tác viên;

Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số nội dung quy định về mẫu thẻ thanh tra và việc quản lý, sử dụng thẻ thanh tra thuộc Bộ Tài chính ban hành kèm theo Quyết định số 41/2008/QĐ-BTC ngày 24/6/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính như sau:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số quy định về mẫu thẻ thanh tra và việc quản lý, sử dụng thẻ thanh tra thuộc Bộ Tài chính ban hành kèm theo Quyết định số 41/2008/QĐ-BTC ngày 24/6/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính như sau:

1. Điểm c, thuộc mục 2, phần I. Mẫu thẻ thanh tra được sửa đổi, bổ sung như sau:

c) Mã số thẻ thanh tra

- Mã số thẻ thanh tra đối với thanh tra viên thuộc Bộ Tài chính có các ký hiệu phân biệt và nhận biết rõ thanh tra Bộ, thanh tra Tổng cục, thanh tra Cục, thanh tra viên (chữ in hoa, khổ chữ 10)

+ Thanh tra viên thuộc Bộ Tài chính có mã số chung là A16 (mã số cơ quan Bộ Tài chính, quy định tại Quyết định số 93/2005/QĐ-BNV ngày 30/8/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định Danh mục mã số các cơ quan Nhà nước).

+ Thanh tra theo các chuyên ngành gồm mã số của Bộ Tài chính, thêm 01 chữ cái đầu tên gọi của ngành: Thuế (T), Hải quan (H), Chứng khoán (C), Dự trữ (D), Kho bạc (K), Bảo hiểm (B).

+ Thanh tra các Cục có mã số theo ngành và có thêm mã số địa phương, nơi cơ quan Cục đặt trụ sở (mã số địa phương theo quy định tại Quyết định số 93/2005/QĐ-BNV ngày 30/8/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ).

+ Số thứ tự thanh tra viên có 03 số (bắt đầu từ 001); đánh số theo cơ quan, đơn vị (Thanh tra Bộ, Tổng cục, Cục).

- Mã số Thẻ Thanh tra cụ thể đối với các cơ quan, đơn vị như sau:

+ Thanh tra Bộ Tài chính: A16 - số thứ tự thanh tra viên.

+ Thanh tra Ủy ban Chứng khoán: A16 - C - số thứ tự thanh tra viên.

+ Thanh tra Thuế: Tổng cục: A16 - T - số thứ tự thanh tra viên; Thanh tra Cục: A16 - T - mã số tỉnh - số thứ tự thanh tra viên.

+ Thanh tra Hải Quan: Tổng cục: A16 - H - số thứ tự thanh tra viên; Thanh tra Cục: A16 - H - mã số tỉnh - số thứ tự thanh tra viên.

+ Thanh tra Dự trữ: Tổng cục A16 - D - số thứ tự thanh tra viên; Thanh tra Cục : A16 - D - mã số tỉnh - số thứ tự thanh tra viên.

+ Thanh tra Kho bạc: Kho bạc Nhà nước A16 - K - số thứ tự thanh tra viên; Thanh tra Kho bạc tỉnh: A16 - K - mã số tỉnh - số thứ tự thanh tra viên.

+ Thanh tra Bảo hiểm: Cục quản lý giám sát Bảo hiểm A16 - B - số thứ tự thanh tra viên.

2. Điểm a, thuộc mục 1, phần II. Quản lý thẻ thanh tra được sửa đổi, bổ sung như sau:

- Hồ sơ cấp thẻ thanh tra:

+ Công văn đề nghị cấp thẻ (kèm theo danh sách trích ngang) của thủ trưởng cơ quan quản lý trực tiếp thanh tra viên.

+ 01 phiếu Thanh tra viên và quyết định bổ nhiệm vào ngạch thanh tra viên.

+ 02 ảnh cá nhân (khô 3 x 4) chụp kiểu Chứng minh thư.

+ Thẻ thanh tra đã được cấp (trường hợp Thanh tra viên được bổ nhiệm vào ngạch thanh tra viên cao hơn hoặc chuyển công tác sang lĩnh vực thanh tra khác thuộc Bộ Tài chính).

3. Mục 2, phần II. Quản lý thẻ thanh tra được sửa đổi, bổ sung như sau:

- Thu hồi thẻ thanh tra:

+ Bộ trưởng Bộ Tài chính uỷ quyền cho Thủ trưởng cơ quan quản lý trực tiếp Thanh tra viên ra quyết định thu hồi thẻ thanh tra của các Thanh tra viên thuộc mình quản lý (Tại Thanh tra Bộ là Chánh Thanh tra Bộ; tại Tổng cục là Tổng cục trưởng; tại Cục là Cục trưởng)

+ Thủ trưởng cơ quan quản lý trực tiếp Thanh tra viên có trách nhiệm thu hồi thẻ thanh tra, cắt góc, nộp về cơ quan Thanh tra cấp trên; Thanh tra Tổng cục, Cục thuộc Bộ tập hợp nộp về Thanh tra Bộ Tài chính kèm theo Quyết định thu hồi thẻ.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký ban hành. Các qui định khác tại Quyết định số 41/2008/QĐ-BTC ngày 24/6/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Qui định mẫu thẻ thanh tra và việc quản lý, sử dụng Thẻ Thanh tra thuộc Bộ Tài chính không được sửa đổi tại Thông tư này vẫn giữ nguyên hiệu lực thi hành.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu sửa đổi, bổ sung./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng và các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- VPTW và các Ban của Đảng;
- VP Quốc hội, VP Chủ tịch nước;
- Viện kiểm sát NDTC, Toà án NDTC;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- VPBCDTU về phòng, chống tham nhũng;
- Công báo;
- Website chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Sở Tài chính, Cục thuế, Cục Hải quan, KBNN các tỉnh, TP trực thuộc TƯ;
- Công báo; Website Chính phủ;
- Lưu: VT, TTr.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**



Phạm Sỹ Danh